

Số: 16 /QĐ-HH

Bắc Gia Nghĩa, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2026
và các khoản thu - chi dịch vụ năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân,

Theo đề nghị của bộ phận kế toán trường Mầm non Hoa Hồng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu thu – chi ngân sách quý 2 năm 2026 và các khoản thu - chi dịch vụ năm học 2025 – 2026 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban giám hiệu trường Mầm non Hoa Hồng, bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Vinh Hiền

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

Quý II năm 2026

(Dùng cho đơn vị quản lý cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

(Kèm theo Quyết định số 18../ QĐ - HH, ngày 10 tháng 7 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

Số T T	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý 3/6/9 tháng/ năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
1	Nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước				
2	Thu từ nguồn NSNN hỗ trợ (đấu thầu, đặt hàng, kinh phí miễn giảm học phí....)				
B	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.076.543.000	2.064.679.055	50,65%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.076.543.000	2.064.679.055	50,65%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.076.543.000	2.064.679.055	50,65%	-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.004.543.000	2.028.679.055	50,66%	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	72.000.000	36.000.000	50,00%	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				

1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				



3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				